TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1-VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/DS-ST.
Ngày: 25 - 7 - 2025.
V/v tranh chấp HĐ vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tùng Châu.

Bà Dương Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:** Ông Dương Cẩm Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2025 về "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 303/2025/QĐST-DS ngày 24/6/2025 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ngân hàng TMCP C (Gọi tắt là Ngân hàng);

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng: Ông Trần Minh B - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: Số 108, đường Đ, phường N, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng: Ông Phan Thành T - Chức vụ: Phó Phòng tổng hợp - Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Vĩnh Long.

Nơi làm việc: Số 01, đường H, Phường M (nay là phường C), tỉnh Vĩnh Long, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt.

- ***Bị đơn***: Bà La Ngọc P, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Số nhà 91, khóm Q, phường H, thành phố V (nay là phường N), tỉnh Vĩnh Long, bà P vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Huỳnh Thị M, sinh năm 1986;

+ Anh Phạm Thanh N, sinh năm 1985;

Cùng nơi cư trú: Khóm Q, phường H, thành phố V (nay là phường N), tỉnh Vĩnh Long, các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 12 năm 2024 cùng các lần hòa giải tiếp theo nguyên đơn trình bày: Vào ngày 23/02/2024 Ngân hàng và bà P có ký kết Hợp đồng tín dụng số 21.MT/2024-HĐCVHM/NHCT800, hạn mức vay là 1.000.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức là từ ngày 23/02/2024 đến hết ngày 14/02/2025, thời gian cho vay theo từng giấy nhận nợ tối đa không quá 12 tháng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động mua bán thịt heo, thịt bò, lãi suất cho vay trong hạn là 9,5%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất cho vay tại thời điểm ký nhận nợ là 9,5%/năm.

Ngân hàng đã giải ngân số tiền 1.000.000.000 đồng cho bà P 02 lần theo giấy nhận nợ số 01 vào ngày 23/02/2024 với số tiền là 650.000.000 đồng và giấy nhận nợ số 02 vào ngày 19/3/2024 với số tiền là 350.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho Hợp đồng cho vay hạn mức số 21.MT/2024-HĐCVHM/NHCT800 ngày 23/02/2024 bà P đã thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 65, tờ bản đồ số 29; thửa đất số 29, tờ bản đồ số 10; thửa đất số 63, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại phường H, thành phố V (nay là phường N), tỉnh Vĩnh Long; việc đảm bảo tài sản của bà P được lập thành hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 37/2020/HĐBĐ/NHCT800, ngày 16/3/2020; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số MT.105/2022/HĐBĐ/NHCT800, ngày 11/02/2022 và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện Hợp đồng bà P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, bà P đã trả tiền vốn cho Ngân hàng là 100.000.000 đồng, tiền lãi đã thanh toán 12.636.864 đồng. Tính đến ngày 25/7/2025 bà P còn nợ Ngân hàng số tiền là 1.138.397.764 đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 999.900.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 119.896.647 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 18.601.117 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà La Ngọc P trả cho Ngân hàng số tiền nêu trên và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng từ ngày 26/7/2025 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp bà La Ngọc P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không hết nợ vay thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 37/2020/HĐBĐ/NHCT800, ngày

16/3/2020 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số MT.105/2022/HĐBĐ/NHCT800, ngày 11/02/2022.

Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; đề nghị buộc bị đơn trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn và phải chịu án phí, chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà La Ngọc P trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký; bà P có đang ký hộ khẩu thường trú tại phường N, tỉnh Vĩnh Long và Hợp đồng được ký kết và thực hiện tại phường C, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long, Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng. Đồng thời, Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Đối với ngân hàng, việc ký kết hợp đồng thì ngân hàng thực hiện cho vay đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thể hiện bà La Ngọc P có vay của Ngân hàng TMCP C số tiền 1.000.000.000 đồng là sự thật, (Hợp đồng tín dụng số: 21.MT/2024-HĐCVHM/NHCT800 ngày 22/3/2024), khi thực hiện trả nợ theo định kỳ bà P thực hiện không đúng, tính đến ngày 25/7/2025 bà P còn nợ ngân hàng số tiền là 1.138.397.764 đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 999.900.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 119.896.647 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 18.601.117 đồng, nên ngân hàng kiện yêu cầu bà P trả số nợ như đã nêu trên là đúng theo quy định tại các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự. Ngân hàng còn yêu cầu bà P phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đã ký từ ngày 26/7/2025 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ và được yêu cầu xử lý tài sản thế chấp khi bị đơn không thực hiện là đúng quy định, nên được chấp nhận.

[3] Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn và xét thấy việc xem xét, thẩm định tại chỗ là cần thiết cho việc giải

quyết vụ án, nên Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 1.000.000 đồng, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu số tiền nêu trên là đúng quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự, số tiền này nguyên đơn đã tạm nộp trước, nên buộc bị đơn nộp để trả lại cho nguyên đơn

[5] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị áp dụng các khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158 và khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời, khi phát biểu quan điểm về tố tụng, Kiểm sát viên có ý kiến nhận xét, từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định tại phiên tòa, người tham gia tố tụng chấp hành tốt các quy định của pháp luật, vụ án được đưa ra xét xử đúng hạn luật định.

Vì các lẻ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C. Buộc bà La Ngọc P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP C các khoản tiền như sau:

- Tiền nợ gốc là 999.900.000 đồng *(chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm ngàn đồng)*.

- Tiền nợ lãi trong hạn là 119.896.647 đồng *(một trăm mười chín triệu tám trăm chín mươi sáu ngàn sáu trăm bốn mươi bảy đồng).*

- Tiền nợ lãi quá hạn là 18.601.117 đồng *(mười tám triệu sáu trăm lẻ một ngàn một trăm mười bảy đồng)*.

Tổng cộng bằng 1.138.397.764 đồng (*một tỉ một trăm ba mươi tám triệu ba trăm chín mươi bảy ngàn bảy trăm sáu mươi bốn đồng*).

Kể từ ngày 26/7/2025 bà P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số: 21.MT/2024-HĐCVHM/NHCT800 ngày 22/3/2024.

Trường hợp, hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP C, thì lãi suất mà bà P phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP C theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP C.

Ngân hàng TMCP C được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, khi bà P không thực hiện hoặc thực hiện nghĩa vụ không đúng (Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 37/2020/HĐBĐ/NHCT800, ngày 16/3/2020 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số MT.105/2022/HĐBĐ/NHCT800, ngày 11/02/2022).

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Buộc bà La Ngọc P nộp 46.152.000 đồng (*bốn mươi sáu triệu một trăm năm mươi hai ngàn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP C không phải chịu tiền án phí, số tiền tạm ứng án phí 21.910.000 đồng (*hai mươi mốt triệu chín trăm mười ngàn đồng*) ngân hàng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu tiền số 0007612 ngày 10/01/2025 được hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP C.

- Buộc bà La Ngọc P nộp 1.000.000 đồng (*một triệu đồng)* tiền chi phí tố tụng, số tiền này được hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP C.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV 1-Vĩnh Long;
- Cơ quan THADS có thẩm quyền;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Hồ Thanh Hồng

- Lưu hồ sơ vụ án.